

**LESSON 1****I. NEW WORDS**

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| 1. The animal world | : thế giới động vật |
| 2. giraffe          | : hươu cao cổ       |
| 3. hippo            | : hà mã             |
| 4. lion             | : sư tử             |
| 5. crocodile        | : cá sấu            |
| 6. neck             | : cổ                |
| 7. brave            | : gan dạ, can đảm   |
| 8. strong           | : khỏe, mạnh        |
| 9. dear             | : yêu quý, thân yêu |